

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

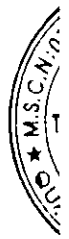
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 58



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”) An Bình (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Mai Quốc Hội	Phó Chủ tịch (Chấm dứt tư cách thành viên HĐQT kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2016 theo đề nghị của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam)
Ông Đào Mạnh Kháng	Thành viên
Ông Lee Tien Poh	Thành viên
Ông Trần Bá Vinh	Thành viên
Ông E. Gayle McGuigan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Phan Long	Thành viên chuyên trách
Ông Cáp Tuấn Anh	Thành viên (Chấm dứt tư cách thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2016 theo đề nghị của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam)
Ông Hadenan Bin A. Jalil	Thành viên

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Phạm Duy Hiếu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm vào ngày 04 tháng 5 năm 2015)
Ông Cù Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm vào ngày 02 tháng 2 năm 2016)
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc (đã hết nhiệm kỳ vào ngày 08 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm vào ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm vào ngày 21 tháng 01 năm 2016)
Ông Bùi Quốc Việt	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Châu Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 609 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng TMCP An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng TMCP An Bình (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 4 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Phạm Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2259-2013-001-1

002-C
ANH
TY
HỮU H
TTE
NAM
HỒ CH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02/TCTD-HN

Đơn vị: Triệu đồng

A. TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	573.980	441.459
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	6	1.737.113	716.590
III. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay các TCTD khác	7	11.592.331	19.548.439
1. Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	1.312.551	2.884.516
2. Cho vay các TCTD khác	7.2	10.279.780	16.663.923
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		23.587	4.768
V. Cho vay khách hàng		30.530.486	25.495.490
1. Cho vay khách hàng	8	30.915.308	25.969.150
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(384.822)	(473.660)
VI. Chứng khoán đầu tư	10	15.189.676	15.004.910
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	11.661.971	10.834.698
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	4.076.710	4.289.643
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	10.3	(549.005)	(119.431)
VII. Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	310.910	318.568
1. Đầu tư vào công ty liên kết	11.1	44.191	49.777
2. Đầu tư dài hạn khác	11.2	268.791	268.791
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.072)	-
VIII. Tài sản cố định		980.341	1.019.482
1. Tài sản cố định hữu hình	12	567.678	592.172
a. Nguyên giá		850.758	825.853
b. Hao mòn		(283.080)	(233.681)
2. Tài sản vô hình	13	412.663	427.310
a. Nguyên giá		541.381	533.856
b. Hao mòn		(128.718)	(106.546)
IX. Bất động sản đầu tư	14	128.689	183.585
a. Nguyên giá		131.144	186.646
b. Hao mòn		(2.455)	(3.061)
X. Tài sản có khác	15	3.307.573	4.731.559
1. Các khoản phải thu	15.1	1.667.163	2.468.358
2. Các khoản lãi, phí phải thu		919.593	891.209
3. Tài sản có khác	15.2	852.532	1.416.980
4. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	15.3	(131.715)	(44.988)
TỔNG TÀI SẢN		64.374.686	67.464.850

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02/TCTD-HN
 Đơn vị: Triệu đồng

B. NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
I.	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	16	799.795	-
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác		9.096.176	15.808.737
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	17	1.033.719	3.310.667
2.	Vay các TCTD khác	18	8.062.457	12.498.070
III.	Tiền gửi của khách hàng	19	47.529.915	45.102.698
IV.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	20	280.328	120.782
V.	Các khoản nợ khác		878.211	717.257
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		601.322	556.483
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	21	276.889	160.774
VI.	Vốn và các quỹ	22	5.790.261	5.715.376
1.	Vốn của TCTD		5.248.159	5.248.159
a.	Vốn điều lệ	22.1	4.798.000	4.798.000
b.	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	22.1	994	994
c.	Thặng dư vốn cổ phần	22.1	449.165	449.165
2.	Quỹ của TCTD	22.2	325.701	309.253
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	22.1	216.401	157.964
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			64.374.686	67.464.850

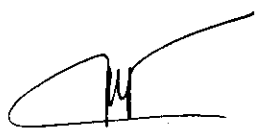
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02/TCTD-HN

Đơn vị: Triệu đồng

	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
1. Cam kết giao dịch hối đoái	38	6.797.639	1.872.256
Cam kết mua ngoại tệ		2.071.877	10.234
Cam kết bán ngoại tệ		2.055.995	10.084
Cam kết giao dịch hoán đổi		2.669.767	1.851.938
2. Cam kết cho vay không hủy ngang		126.086	-
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		772.056	625.092
4. Bảo lãnh khác		5.391.983	4.154.619
		<u>13.087.764</u>	<u>6.651.967</u>



Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng Kế toán Tổng hợp



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng



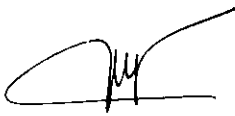
Ông Cù Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

2500
NH
CÔNG
NHIE
LO
VIET
TP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03/TCTD-HN
Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2015	2014
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	4.089.097	4.119.645
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	25	(2.441.841)	(2.633.172)
I. Thu nhập lãi thuần		1.647.256	1.486.473
1. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	154.956	120.880
2. Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(97.399)	(79.010)
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	57.557	41.870
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	63.679	56.687
IV. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	561
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	131.697	47.979
1. Thu nhập từ hoạt động khác		158.892	92.887
2. Chi phí hoạt động khác		(95.172)	(49.660)
VI. Thu nhập từ hoạt động khác		63.720	43.227
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	7.725	10.336
VIII. Chi phí hoạt động	30	(1.190.073)	(1.106.460)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		781.561	580.673
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(663.198)	(429.566)
XI. Lợi nhuận trước thuế		118.363	151.107
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	(27.084)	(34.134)
XIII. Lợi nhuận sau thuế		91.279	116.973
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	190	244
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		190	244


Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng Kế toán Tổng hợp


Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng


Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: Triệu đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU B 04/TCTD-HN
 Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2015	2014
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua sắm tài sản cố định	(34.742)	(220.246)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định ("TSCĐ")	1.813	-
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(44.800)	-
4. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	546.503	-
5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	7.725	10.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	476.499	(209.910)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Cổ tức trả cho cổ đông	-	(118.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(118.230)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(7.757.125)	5.665.938
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	16.095.549	10.429.611
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (Thuyết minh số 32)	8.338.424	16.095.549


Ông Nguyễn Công Anh
 Trưởng phòng Kế toán Tổng hợp


Ông Bùi Quốc Việt
 Kế toán trưởng


Ông Cù Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Ngân hàng TMCP An Bình (gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (gọi tắt là “NHNN”) cấp Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 2007 trong thời hạn 20 năm. Ngày 22 tháng 7 năm 2008, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 1631/QĐ-NHNN chấp thuận sửa đổi thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Ngân hàng được phép tiến hành đầy đủ các hoạt động ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Hoạt động chính

- Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá theo sự chấp thuận của NHNN;
- Nhận các nguồn vốn ủy thác đầu tư;
- Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn các tổ chức kinh tế và cá nhân;
- Chiết khấu các hối phiếu thương mại, trái phiếu và các giấy tờ có giá;
- Góp vốn mua cổ phần theo tỉ lệ cho phép và tham gia liên doanh;
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng;
- Thực hiện trao đổi kinh doanh ngoại tệ và vàng;
- Thực hiện thanh toán quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác.

Địa điểm và hệ thống Ngân hàng

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 170 đường Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một Hội sở chính, ba mươi chi nhánh tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.110 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.922 người).

Công ty con và công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (gọi tắt là “ABBA”) được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 01040009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 01 năm 2010 và các Giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 200.000 triệu đồng và có thời gian hoạt động là thời gian hoạt động còn lại của Ngân hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Trong năm 2015, ABBA đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ lên 260.000 triệu đồng.

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA (là công ty con của Ngân hàng được đầu tư gián tiếp qua ABBA) được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 0106112803 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 02 năm 2013 với vốn điều lệ là 2.000 triệu đồng và có thời gian hoạt động là thời gian hoạt động còn lại của Ngân hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng hiện có một công ty liên kết sau:

	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp bởi Ngân hàng
- Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình ("ABS")	12/UBCK- GPHDQLQ	Chứng khoán	5,20%

Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng trong công ty trên nhỏ hơn 11% nhưng Ngân hàng là cổ đông sáng lập và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này khi Ngân hàng có đại diện trong Hội đồng Quản trị và có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của công ty này. Theo đó, Ngân hàng ghi nhận khoản đầu tư vào công ty trên là đầu tư vào công ty liên kết theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng lớn, cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ("Thông tư 49") sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2015. Ban Điều hành Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 49 cho báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Điều hành Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

002-C
 NH
 TY
 HỮU H
 ITE
 AM
 00C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính hoạt động được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và báo cáo tài chính của các công ty do Ngân hàng kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và Ngân hàng được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

4.3 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Ngân hàng bao gồm tiền mặt, vàng bạc và đá quý; tiền gửi tại NHNN; tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; cho vay khách hàng; chứng khoán đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và các khoản nợ tài chính khác.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý; tiền gửi tại NHNN; tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác; tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

4.5 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, hoặc chứng khoán khác được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn theo quyết định của Ban Điều hành.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần.

4.6 Chứng khoán đầu tư

4.6.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn mà Ngân hàng nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và đồng thời Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan) vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.6.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Thu nhập lãi từ chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Ngân hàng nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4.7 Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư vào công ty (không phải công ty con hoặc công ty liên doanh) mà trong đó Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc trong Báo cáo tài chính riêng. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và giá trị sổ sách của khoản đầu tư có thể tăng hoặc giảm phản ánh phần chia sẻ của Ngân hàng trong tài sản thuần của công ty liên kết. Các khoản lỗ vượt quá giá gốc của một khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ với khoản lỗ này. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần chia sẻ của Ngân hàng trong kết quả hoạt động của công ty liên kết. Khi có thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Ngân hàng sẽ ghi nhận phần chia sẻ của khoản thay đổi này trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa Ngân hàng và công ty liên kết được loại trừ theo tỷ lệ góp vốn của Ngân hàng vào công ty liên kết đó.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết sử dụng cho mục đích hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu có cùng niên độ lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán áp dụng thống nhất với các chính sách của Ngân hàng đối với các giao dịch hoặc các sự kiện có tính chất giống nhau trong các điều kiện tương đương.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 11.

4.8 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty con) mà Ngân hàng là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá.

4.9 Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn**4.9.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư**

Đối với các chứng khoán đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết thì thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo các quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 (tương tự như đối với các khoản cho vay được trình bày tại phần Dự phòng rủi ro tín dụng).

Đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành để mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 ("Thông tư 19") của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

Đối với các khoản chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định và trích lập theo các quy định của Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009 hướng dẫn rà soát phân loại và cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ("Công văn 2601") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT/BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh/đầu tư". Cụ thể:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với chứng khoán vốn đã niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa vào ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc giá đóng cửa phiên gần nhất trong trường hợp không có giao dịch vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với chứng khoán vốn chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng.

4.9.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228 và Thông tư số 89. Căn cứ để trích lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán của tổ chức kinh tế (năm trước thời điểm trích lập dự phòng).

Mức trích lập dự phòng

=

Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

-

Vốn chủ sở hữu thực có

x

Số vốn đầu tư của doanh nghiệp

Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch).

Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

4.10 Các khoản ủy thác đầu tư

Các khoản ủy thác đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ủy thác được xác định dựa trên khả năng thu hồi vốn của khoản ủy thác đầu tư và tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị nhận ủy thác đầu tư.

4.11 Các khoản nhận ủy thác vốn và đầu tư của người ủy thác

Các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư cho Ngân hàng theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư; đồng thời vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể được trích lập cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể, số tiền phải trích được tính trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư Nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được trích lập bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo việc phân loại nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 02.

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài và các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng được sử dụng dự phòng để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích. Việc xử lý nợ xấu được thực hiện sau khi có sự phê duyệt của Hội đồng xử lý nợ của Ngân hàng.

4.15 **Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”) và các TCTD**

Căn cứ vào Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ giữa VAMC với các TCTD, khi TCTD thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC, khi hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, TCTD sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận được từ VAMC qua nghiệp vụ bán nợ trên tài khoản chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Định kỳ hàng năm, TCTD sẽ tính toán và trích lập dự phòng rủi ro phải trích cho số trái phiếu đặc biệt này theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của NHNN. Theo đó, trong thời hạn của trái phiếu đặc biệt, TCTD bán nợ phải trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt vào chi phí hoạt động. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, TCTD bán nợ phải trích lập số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

Số tiền trích lập dự phòng rủi ro hàng năm = Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt/Thời hạn của trái phiếu đặc biệt.

Tổ chức tín dụng bán nợ không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu đặc biệt.

4.16 **Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228 và Thông tư 89 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.17 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	3 - 10
Tài sản khác	3 - 25

4.18 Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản vô hình khác, được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và có thời hạn. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất.

Giá trị phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 8 năm. Các tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 năm đến 6 năm.

4.19 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Ngân hàng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.20 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng do ABBA, Công ty con nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà xưởng có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn, không thực hiện khấu hao.

4.21 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị Đồng Việt Nam của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” theo kỳ hạn của hợp đồng đối với hợp đồng hoán đổi tiền tệ và ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào ngày kết thúc niên độ kế toán đối với hợp đồng kỳ hạn tiền tệ.

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của các giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

4.22 Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã thực hiện các nghiệp vụ cam kết tài chính ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất để gia hạn các khoản tiền gửi, cam kết dưới hình thức tín dụng thư thương mại, cam kết giao dịch hối đoái, các cam kết bảo lãnh. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được. Theo Thông tư 02 và Thông tư 09 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 5 theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn của khoản cam kết. Ngân hàng không trích lập dự phòng đối với các khoản cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất.

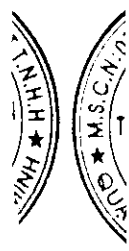
4.23 Ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm lập báo cáo, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại Thuyết minh số 40). Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.24 Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4.28 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam	503.392	382.534
Tiền mặt bằng ngoại tệ	70.588	58.925
	573.980	441.459

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng Đồng Việt Nam	1.617.857	589.332
- Bằng ngoại tệ	119.256	127.258
	1.737.113	716.590

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thể hiện tiền gửi không kỳ hạn và số tiền dự trữ bắt buộc. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam áp dụng theo Quyết định số 1925/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2011; tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng theo Quyết định số 1972/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Số dư dự trữ bắt buộc được điều chỉnh mỗi tháng một lần và được lần lượt tính ở mức 3% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3%) tiền gửi bình quân của khách hàng bằng Đồng Việt Nam cho tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm là 1% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1%) tiền gửi bình quân của khách hàng bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn nhiều hơn một năm. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, một khoản dự trữ bắt buộc bằng Đô la Mỹ cũng được yêu cầu thực hiện, được tính cùng một công thức với tỷ lệ 8% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8%) cho tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn thấp hơn một năm và 6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 6%) cho tiền gửi có kỳ hạn nhiều hơn một năm.

Theo đó, mức dự trữ bắt buộc lần lượt bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ trung bình trong tháng 12 năm 2015 là 1.042.044,01 triệu đồng và 6.284,81 ngàn Đô la Mỹ. Trong năm, Ngân hàng đã tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc.

7. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Tiền gửi tại các TCTD khác	1.312.551	2.884.516
Cho vay các TCTD khác	10.279.780	16.663.923
	11.592.331	19.548.439

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng Đồng Việt Nam	122.483	1.119.480
Bằng ngoại tệ	701.068	908.837
	823.551	2.028.317
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng Đồng Việt Nam (từ một tháng đến ba tháng)	489.000	580.000
Bằng ngoại tệ (từ một tháng đến ba tháng)	-	276.199
	489.000	856.199
	1.312.551	2.884.516

Mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	2015	2014
	<u>Lãi suất</u>	<u>Lãi suất</u>
	<u>% năm</u>	<u>% năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	5,00 - 5,40	4,00 - 4,70
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	-	0,50 - 0,70

7.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Bằng Đồng Việt Nam	10.236.000	15.591.000
Bằng ngoại tệ	43.780	1.072.923
	10.279.780	16.663.923

Mức lãi suất cho vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	2015	2014
	<u>Lãi suất</u>	<u>Lãi suất</u>
	<u>% năm</u>	<u>% năm</u>
Cho vay thương mại bằng Đồng Việt Nam	3,75 - 6,50	3,60 - 7,00
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	0,30	0,20 - 2,20

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng đã phân loại tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn theo Điều 10 Thông tư 02. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác đều được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn và không phải trích lập dự phòng cụ thể, đồng thời, theo quy định của Thông tư 02, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung cho các khoản này.

9-002-
ÁNH
TY
HỮU
ITTE
NAM
HỒ CH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG**8.1 Phân tích theo kỳ hạn**

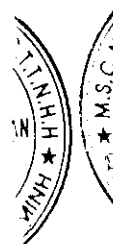
	31/12/2015		31/12/2014	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Vay ngắn hạn (trong vòng một năm)	14.776.882	49,94	12.637.495	48,66
Vay trung hạn (từ một năm đến năm năm)	7.375.118	22,35	5.624.732	21,66
Vay dài hạn (trên năm năm)	8.763.308	27,71	7.706.923	29,68
	30.915.308	100,00	25.969.150	100,00

8.2 Phân tích theo tiền tệ

	31/12/2015		31/12/2014	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Vay bằng Đồng Việt Nam	29.194.470	94,43	24.830.745	95,62
Vay bằng ngoại tệ	1.720.838	5,57	1.138.405	4,38
	30.915.308	100,00	25.969.150	100,00

8.3 Phân tích theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2015		31/12/2014	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty Cổ phần	8.331.678	26,95	8.943.274	34,44
Công ty trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") tư nhân	10.185.176	32,95	6.447.685	24,83
Công ty TNHH Nhà nước	182.802	0,59	590.282	2,27
Doanh nghiệp tư nhân	451.493	1,46	371.512	1,43
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	380.797	1,23	333.609	1,28
Công ty cổ phần nhà nước	46.022	0,14	58.751	0,23
Kinh tế tập thể	1.807	0,01	206.619	0,80
Công ty hợp danh	184	0,00	185	0,00
Tổ chức giáo dục	64.565	0,21	21.966	0,08
Tổng công ty Nhà nước	744.277	2,41	771.407	2,97
	20.388.801	65,95	17.745.290	68,33
Cho vay cá nhân	10.523.349	34,04	8.191.808	31,54
Cho vay khác	3.158	0,01	32.052	0,12
	30.915.308	100,00	25.969.150	100,00



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8.4 Phân tích theo chất lượng nợ vay

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 02 trừ những khoản nợ đủ điều kiện được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và/hoặc gia hạn nợ, và giữ nguyên nhóm nợ theo Công văn 5482/NHNN-TTGSNH ngày 30 tháng 7 năm 2014.

	31/12/2015		31/12/2014	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	29.848.664	96,55	24.311.498	93,62
Nợ cần chú ý	317.291	1,03	486.977	1,88
Nợ dưới tiêu chuẩn	77.417	0,25	175.093	0,67
Nợ nghi ngờ	77.144	0,25	133.378	0,51
Nợ có khả năng mất vốn	501.459	1,62	722.204	2,78
Nợ cho vay được khoanh và chờ xử lý (*)	93.333	0,30	140.000	0,54
	30.915.308	100,00	25.969.150	100,00
Các khoản nợ đủ tiêu chuẩn khác				
Cho vay các TCTD khác	10.279.780		16.663.923	
	41.195.088		42.633.073	

Tỷ lệ nợ xấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng là 1,72% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2,75%).

(*) Trong năm 2013, Ngân hàng đã sử dụng 140.000 triệu đồng từ dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và dự phòng rủi ro tín dụng để xóa nợ một phần cho 500.000 triệu đồng mệnh giá trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (gọi tắt là "SBIC") (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (gọi tắt là "Vinashin"). Số tiền chênh lệch còn lại bao gồm 360.000 triệu đồng, trong đó 150.000 triệu đồng được hoán đổi với trái phiếu do Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (gọi tắt là "DATC") phát hành (chi tiết tại Thuyết minh số 10.2 - Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn), và 210.000 triệu đồng được ghi nhận sang tài khoản nợ cho vay được khoanh và chờ xử lý. Trong năm 2014, Ngân hàng sử dụng 70.000 triệu đồng từ dự phòng rủi ro tín dụng để xóa nợ một phần cho dư nợ vay 210.000 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trong năm 2015, Ngân hàng sử dụng 46.667 triệu đồng từ dự phòng rủi ro tín dụng để xóa nợ một phần cho dư nợ vay 140.000 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (chi tiết tại Thuyết minh số 9.3).

Việc phân loại, thu hồi và trích lập dự phòng đối với số dư này được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8.5 Phân tích theo ngành nghề nợ vay

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối niên độ như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Công nghiệp chế biến	2.267.457	7,33	1.599.047	6,16
Xây dựng	3.854.794	12,47	3.160.593	12,17
Thương nghiệp	4.143.761	13,40	3.800.661	14,64
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	1.998.834	6,47	2.054.119	7,91
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	931.442	3,01	1.382.282	5,32
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.390.685	4,50	1.213.207	4,67
Hoạt động khoa học và công nghệ	-	0,00	114.627	0,44
Thủy sản	43.864	0,14	145.056	0,56
Khách sạn và nhà hàng	594.925	1,93	216.514	0,83
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	89.486	0,29	78.534	0,30
Bất động sản	1.325.846	4,29	1.399.619	5,39
Hoạt động văn hoá thể thao	-	0,00	33.140	0,13
Công nghiệp khai thác mỏ	19.985	0,07	7.077	0,03
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	19.384	0,06	13.120	0,05
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	281	0,00	729	0,00
Giáo dục và đào tạo	223.530	0,72	491.428	1,89
Hoạt động tài chính	103.512	0,33	229.123	0,88
Ngành khác	13.907.522	44,99	10.030.274	38,62
	30.915.308	100,00	25.969.150	100,00

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	384.822	473.660
	384.822	473.660

9.1 Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

31/12/2015	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	304.746	168.914	473.660
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	22.969	53.281	76.250
Số dự phòng đã sử dụng từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(183.222)	-	(183.222)
Số dư dự phòng tại ngày 30/11/2015	144.493	222.195	366.688
Số dự phòng đã trích lập trong tháng 12	18.134	-	18.134
Tại ngày 31/12/2015	162.627	222.195	384.822

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

31/12/2014	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	486.057	191.202	677.259
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	345.549	10.379	355.928
Số dự phòng đã sử dụng từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(348.546)	-	(348.546)
Hoàn nhập trong năm	-	(32.667)	(32.667)
Số dư dự phòng tại ngày 30/11/2014	483.060	168.914	651.974
Số dự phòng đã sử dụng trong tháng 12	(178.314)	-	(178.314)
Tại ngày 31/12/2014	304.746	168.914	473.660

Chi tiết phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2015 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Thông tư 02 và Thông tư 09 của Ngân hàng Nhà nước và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	Dự nợ vay (*)	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng số dự phòng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	29.120.292	-	218.403	218.403
Nợ cần chú ý	313.730	5.148	2.353	7.501
Nợ dưới tiêu chuẩn	81.369	5.570	610	6.180
Nợ nghi ngờ	110.441	26.026	829	26.855
Nợ có khả năng mất vốn	529.572	107.749	-	107.749
	30.155.404	144.493	222.195	366.688

(*): Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2015.

9.2 Thay đổi chi tiết dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

a. Dự phòng cụ thể

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Số dư đầu năm	304.746	486.057
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	41.103	345.549
Số dự phòng đã sử dụng trong năm (*)	(183.222)	(526.860)
Số dư cuối năm	162.627	304.746

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính dựa trên giá trị thuần của các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2015 căn cứ vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay. Giá trị thuần được tính theo một tỷ lệ cho từng loại chất lượng nợ vay như quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09 do Ngân hàng Nhà nước ban hành, sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

(*) Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm chủ yếu bao gồm:

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Xử lý rủi ro trước khi bán cho VAMC (i)	51.959	361.338
Xử lý rủi ro cho Vinashin (Thuyết minh số 10.2)	46.667	70.000
Xử lý rủi ro cho các khoản nợ khác	84.596	95.522
	183.222	526.860

(i) Khoản xử lý rủi ro cho các công ty với giá trị 51.959 triệu đồng trước khi Ngân hàng bán nợ cho VAMC và nhận về trái phiếu đặc biệt từ VAMC. Ngân hàng đang theo dõi trái phiếu đặc biệt nhận được từ VAMC trên tài khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Chi tiết tại Thuyết minh số 10.2). Nghiệp vụ bán nợ như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Số dư khoản vay tại thời điểm bán nợ	426.803	2.061.184
Sử dụng dự phòng rủi ro đã trích đến thời điểm bán nợ để xử lý rủi ro	(51.959)	(361.338)
Giá trị bán nợ cho VAMC hay giá trị trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh số 10.2)	374.844	1.699.846

b. Dự phòng chung

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Số dư đầu năm	168.914	191.202
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	53.281	10.379
Hoàn nhập trong năm	-	(32.667)
Số dư cuối năm	222.195	168.914

Dự phòng chung được lập theo Thông tư 02 và Thông tư 09. Theo đó, Ngân hàng trích lập mức dự phòng chung bằng 0,75% tổng dư nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 năm 2015 (năm 2014: 0,75%).

9.3 Chi phí dự phòng cho các khoản rủi ro tín dụng

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng	130.276	453.191
Chi phí dự phòng cho trái phiếu VAMC	432.425	-
Chi phí dự phòng Vinashin (Thuyết minh 8.4)	46.667	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến Trái phiếu Handico (Thuyết minh 14.1)	53.830	-
Chi phí dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	-	(23.625)
	663.198	429.566

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**10.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán nợ				
Trái phiếu chính phủ	8.960.481	9.046.086	6.711.155	6.770.367
Tín phiếu Kho bạc	-	-	2.000.062	2.000.062
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB")	300.000	300.000	300.000	300.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.010.435	1.010.435	650.000	650.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	200.000	200.000	200.000	200.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	350.000	350.000	350.000	350.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	400.000	400.000	400.000	400.000
Home Credit Vietnam	100.000	100.000	100.000	100.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	200.000	200.000	-	-
Chứng khoán vốn				
Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội ("SHB")	-	-	1	1
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành				
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	39.000	46.800	39.000	46.800
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Petrolimex ("PGI")	-	-	6.337	8.818
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt ("BVTI")	6.250	6.250	6.250	6.250
Công ty Dịch vụ Bán lẻ Tiên Phong	2.400	2.400	2.400	2.400
Tổng cộng	11.568.566	11.661.971	10.765.205	10.834.698

Các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán thể hiện trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, trái phiếu do các TCTD và các tổ chức kinh tế trong nước phát hành với thời hạn là từ hai năm đến mười lăm năm, lãi suất được hưởng từ 5,00%/năm đến 13,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 3,45%/năm đến 12,60%/năm).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		31/12/2014	
	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	302.728	305.021	605.187	607.825
Trái phiếu chính phủ	80.000	80.000	382.459	382.459
Trái phiếu Đô thị TP. Hồ Chí Minh	222.728	225.021	222.728	225.366
Kỳ phiếu và chứng chỉ tiền gửi TCTD	40.000	39.570	40.000	38.448
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40.000	39.570	40.000	38.448
Trái phiếu các tổ chức kinh tế khác	3.732.119	3.732.119	3.643.370	3.643.370
Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng Sản Việt Nam ("Vinacomin")	130.000	130.000	130.000	130.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà đất Cotec	-	-	100.000	100.000
DATC (*)	150.000	150.000	150.000	150.000
Công ty Cổ phần VID Hưng Yên	460.000	460.000	460.000	460.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Hà Nam	200.000	200.000	200.000	200.000
Công ty Xây Dựng và Kinh doanh Cơ sở Hạ Tầng Khu Công nghiệp Hà Nội Đài Tư	190.000	190.000	190.000	190.000
Công ty Cổ phần Muối Vĩnh Hào	70.000	70.000	70.000	70.000
VAMC (**)	2.532.119	2.532.119	2.343.370	2.343.370
Tổng cộng	4.074.847	4.076.710	4.288.557	4.289.643

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 8.4, số dư 150.000 triệu đồng trái phiếu của DATC phát sinh từ việc hoán đổi 500.000 triệu đồng mệnh giá trái phiếu của SBIC (trước đây là Vinashin). Các trái phiếu này có kỳ hạn 10 năm, được Chính phủ bảo lãnh phát hành trong năm 2013 và có lãi suất cố định 8,9%/năm. Lãi trái phiếu được thanh toán vào ngày đáo hạn trái phiếu.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư của trái phiếu đặc biệt phát hành bởi Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam là 2.532.119 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.343.370 triệu đồng) phát sinh từ các nghiệp vụ bán nợ trong năm. Các trái phiếu đặc biệt này có thời hạn 5 năm, được Chính phủ bảo lãnh phát hành trong năm 2013, 2014 và không chịu lãi suất.

Việc hạch toán kế toán, trích lập và sử dụng dự phòng các khoản trái phiếu đặc biệt này được thực hiện theo các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và tổ chức tín dụng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Theo đó, việc thu hồi đối với số dư trái phiếu đặc biệt sẽ phụ thuộc vào khả năng thu hồi của khoản nợ đã bán cho VAMC. Theo các điều khoản trong các hợp đồng mua bán nợ đã ký với VAMC, Ngân hàng sẽ phải sử dụng các trái phiếu đặc biệt để mua lại theo giá trị ghi sổ các khoản nợ xấu được VAMC mua bằng trái phiếu đặc biệt nhưng chưa được xử lý hoặc thu hồi toàn bộ vào thời điểm trái phiếu đặc biệt đến hạn. Dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt được trích lập hàng năm không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu trong suốt thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn thể hiện trái phiếu Chính phủ, trái phiếu do các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế trong nước phát hành với thời hạn là từ ba năm đến mười lăm năm, lãi suất được hưởng đối với Đồng Việt Nam là từ 5,85%/năm đến 12,30%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 5,85%/năm đến 12,60%/năm đối với Đồng Việt Nam).

10.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán vốn		
Cổ phiếu đã niêm yết	2.400	4.501
Cộng	2.400	4.501
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Chứng khoán nợ		
Dự phòng chung Trái phiếu các tổ chức kinh tế khác (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	7.875	8.625
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	538.730	106.305
Cộng	546.605	114.930
Tổng cộng	549.005	119.431

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	2015	2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Số dư đầu năm	4.501	3.451
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.101)	(29.856)
Số trích thêm trong năm	-	30.906
Số dư cuối năm	2.400	4.501
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Dự phòng chung Trái phiếu các tổ chức kinh tế khác (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
Số dư đầu năm	8.625	-
Số trích thêm trong năm	-	8.625
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(750)	-
Số dư cuối năm	7.875	8.625
Dự phòng trái phiếu đặc biệt		
Số dư đầu năm	106.305	-
Số trích thêm trong năm	432.425	106.305
Số dư cuối năm	538.730	106.305
Tổng cộng	549.005	119.431

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng đã thực hiện phân loại các khoản chứng khoán nợ của tổ chức kinh tế chưa niêm yết theo Điều 10 Thông tư 02 và Thông tư 09. Dự phòng rủi ro chứng khoán nợ của tổ chức kinh tế chưa niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trích lập dựa trên kết quả phân loại dư nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản chứng khoán nợ của tổ chức kinh tế chưa niêm yết đều được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.

11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đầu tư vào công ty liên kết	Các khoản đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 01 tháng 01	49.777	268.791	318.568
Vốn góp giảm trong năm	(6.304)	-	(6.304)
Phân chia lợi nhuận của các công ty liên kết	718	-	718
Tại ngày 31 tháng 12	44.191	268.791	312.982

11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

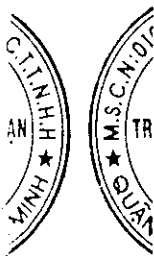
Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá trị ròng của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ròng của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		Tỷ lệ sở hữu
	Giá gốc Triệu đồng	Triệu đồng	%	Giá gốc Triệu đồng	Triệu đồng	%
ABS	41.905	44.191	5,20	41.905	43.473	5,20
ABLand	-	-	-	10.000	6.304	10,00
	41.905	44.191		51.905	49.777	

11.2 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015			31/12/2014		
	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu
	Triệu đồng	Triệu đồng	%	Triệu đồng	Triệu đồng	%
<i>Đầu tư vào các tổ chức kinh tế</i>						
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	210.000	210.000	8,40	210.000	210.000	8,40
- Công ty Cổ phần EVN - Quốc tế	37.800	37.800	1,58	37.800	37.800	1,58
- Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	15.057	15.057	2,51	15.057	15.057	2,51
- Công ty Cổ phần Đầu tư PCB	3.934	3.934	3,28	3.934	3.934	3,93
- Công ty Cổ phần chuyển mạch tài chính quốc gia Việt Nam	2.000	2.000	1,36	2.000	2.000	4,00
	268.791	268.791		268.791	268.791	



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	406.009	295.671	120.373	3.800	825.853
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.499	12.034	7.542	72	27.147
Phân loại lại	-	1.253	-	(1.253)	-
Thanh lý, nhượng bán	(38)	(164)	(2.040)	-	(2.242)
Tại ngày 31/12/2015	<u>413.470</u>	<u>308.794</u>	<u>125.875</u>	<u>2.619</u>	<u>850.758</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	44.618	120.651	65.657	2.755	233.681
Khấu hao trong năm	8.811	32.479	10.055	178	51.523
Phân loại lại	-	810	-	(810)	-
Thanh lý, nhượng bán	(16)	(142)	(1.966)	-	(2.124)
Tại ngày 31/12/2015	<u>53.413</u>	<u>153.798</u>	<u>73.746</u>	<u>2.123</u>	<u>283.080</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2015	<u>360.057</u>	<u>154.996</u>	<u>52.129</u>	<u>496</u>	<u>567.678</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>361.391</u>	<u>175.020</u>	<u>54.716</u>	<u>1.045</u>	<u>592.172</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Ngân hàng bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 32.066 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 27.022 triệu đồng).

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	346.695	186.283	878	533.856
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	7.525	-	7.525
Tại ngày 31/12/2015	<u>346.695</u>	<u>193.808</u>	<u>878</u>	<u>541.381</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	711	104.957	878	106.546
Hao mòn trong năm	480	21.692	-	22.172
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.191</u>	<u>126.649</u>	<u>878</u>	<u>128.718</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2015	<u>345.504</u>	<u>67.159</u>	<u>-</u>	<u>412.663</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>345.984</u>	<u>81.326</u>	<u>-</u>	<u>427.310</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản vô hình của Ngân hàng bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 8.868 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8.065 triệu đồng).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	30.851	155.795	186.646
Tăng trong năm	26.369	-	26.369
Thanh lý	(9.091)	(72.780)	(81.871)
Tại ngày 31/12/2015	48.129	83.015	131.144
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	316	2.745	3.061
Trích khấu hao trong năm	62	1.337	1.399
Giảm do thanh lý	(223)	(1.782)	(2.005)
Tại ngày 31/12/2015	155	2.300	2.455
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2015	47.974	80.715	128.689
Tại ngày 31/12/2014	30.535	153.050	183.585

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Ngân hàng hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý, Ngân hàng sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Ngân hàng chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản phải thu (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	1.667.163	2.468.358
Các khoản lãi, phí phải thu	919.593	891.209
Tài sản có khác (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	852.532	1.416.980
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác (<i>Thuyết minh số 15.3</i>)	(131.715)	(44.988)
	3.307.573	4.731.559

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

15.1 Các khoản phải thu

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Hợp tác đầu tư, kinh doanh (a)	432.887	1.441.293
Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố (b)	41.592	538.394
Phải thu quá hạn	5.150	5.150
Phải thu bán chứng khoán	35.855	70.855
Mua sắm tài sản cố định	7.351	14.551
Phải thu lãi trái phiếu Vạn Lợi (c)	30.164	30.164
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	58.350	69.623
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất từ Ngân sách Nhà nước	7.093	7.093
Phải thu ABLand (d)	13.245	13.245
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	5.121	7.772
Phải thu quyền mua cổ phần Công ty Cổ phần Dược Phẩm Viễn Đông ("DVD") (e)	5.225	5.225
Đầu tư xây dựng cơ bản – EVN Tây Nguyên	3.333	3.333
Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thái Bình liên quan đến trái phiếu Handico	102.509	102.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp (f)	32.397	52.241
Mua bán nợ với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quốc Dân	757.286	-
Các khoản phải thu khác	129.605	106.910
	1.667.163	2.468.358

(a) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các công ty đối tác. Theo đó, các công ty sẽ sử dụng vốn nhận được từ Ngân hàng để thực hiện đầu tư kinh doanh và Ngân hàng sẽ nhận được lợi tức trên khoản vốn đã chuyển tại ngày đáo hạn. Chi tiết các hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Bên nhận vốn	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình ("ABF")	432.822	1.241.293
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa ("An Hòa")	-	200.000
Khác	65	-
Tổng cộng	432.887	1.441.293

(b) Khoản mục này chủ yếu bao gồm khoản ký quỹ đặt cọc mua tài sản và thuê văn phòng của Ngân hàng.

(c) Đây là khoản lãi phải thu của trái phiếu Công ty TNHH Vạn Lợi đã đến hạn tại ngày 30 tháng 7 năm 2011 nhưng chưa được thanh toán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng đã tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu này tuân thủ theo hướng dẫn của Thông tư số 228 và Thông tư 89, với tỷ lệ dự phòng 100% cho khoản phải thu này.

(d) Đây là khoản phải thu liên quan đến số tiền ứng trước tiền thuê nhà Số 65-65A Đường 3/2, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở của ABLand.

(e) Đây là khoản tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông (gọi tắt là "DVD") mà Ngân hàng đã chuyển cho ABS vào đợt phát hành cổ phần lần thứ 2 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông trong năm 2010 nhưng không thành công. Tại thời điểm lập báo cáo, Ngân hàng vẫn chưa thu hồi được khoản tiền này và Ngân hàng đã tiến hành trích lập 100% giá trị theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- (f) Đây là khoản chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp theo thông báo hàng quý của cơ quan thuế lớn hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp.

15.2 Tài sản có khác

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Chi phí chờ phân bổ (a)	172.662	167.582
Tài sản gán nợ chờ xử lý (b)	48.000	48.000
Ủy thác đầu tư	50.000	550.000
Vật liệu, công cụ lao động đang dùng	475	797
Tài sản có khác (c)	581.395	650.601
	852.532	1.416.980

- (a) Bao gồm chủ yếu chi phí thuê nhà Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội được Ngân hàng thanh toán trước trong 10 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí chưa phân bổ của khoản tiền này là 70.468 triệu đồng.

- (b) Tài sản gán nợ chờ xử lý chi tiết như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Mua tài sản của Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Minh Hiếu	48.000	48.000

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số thủ tục giấy tờ liên quan đến việc hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu của các tài sản sang cho ABBA, Công ty con, vẫn chưa được hoàn thiện và ABBA chưa chắc chắn về mục đích sử dụng của các tài sản này trong tương lai.

- (c) Tài sản có khác chủ yếu là các khoản nợ mà ABBA mua lại của các công ty tài chính và công ty mua bán nợ.

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Mua bán nợ với Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	523.084	629.000
Tài sản có khác	58.311	21.601
	581.395	650.601

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, ABBA có một hợp đồng mua nợ với một tổ chức tài chính. ABBA không ghi nhận dự phòng cho khoản nợ được mua này do đây là khoản nợ có truy đòi và bên tổ chức tài chính (bên bán nợ) có cam kết mua lại khoản nợ này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

15.3 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Dự phòng phải thu lãi Trái phiếu Vạn Lợi (Thuyết minh số 15.1)	30.164	30.164
Dự phòng phải thu quyền mua cổ phần DVD (Thuyết minh số 15.1)	5.225	5.225
Dự phòng phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen	-	9.310
Dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến Trái phiếu Handico (Thuyết minh số 15.1)	53.830	-
Dự phòng phải thu khó đòi	42.496	289
	131.715	44.988

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	799.795	-
	799.795	-

17. TIỀN GỬI CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	167.433	975.111
Tiền gửi không kỳ hạn bằng Ngoại tệ	2.836	96
Có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	754.000	2.123.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	109.450	212.460
	1.033.719	3.310.667

18. VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Bằng Đồng Việt Nam	8.018.677	11.711.968
Bằng Ngoại tệ	43.780	786.102
	8.062.457	12.498.070

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	10.278.399	10.402.814
Tiền gửi không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	9.944.053	10.141.596
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	2.167	2.506
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	331.837	258.641
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	342	71
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	36.924.616	34.435.494
Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	15.510.483	15.309.079
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	19.624.536	17.422.353
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	507.453	761.277
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.096.661	801.979
Tiền gửi vốn chuyên dùng	185.483	140.806
Tiền ký quỹ	326.900	264.390
Tiền gửi ký quỹ bằng Đồng Việt Nam	289.819	198.911
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	37.081	65.479
	47.529.915	45.102.698

Lãi suất thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	%/năm	%/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	0,50	0,80
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	0,50	0,80
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,00	0,10
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,00	0,10
Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	4,90 - 5,70	4,30 - 6,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,00	0,25 - 0,50
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam	5,70 - 6,90	4,90 - 6,90
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,00	0,75 - 1,00

20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng Đồng Việt Nam	280.328	120.782

Các khoản vốn nhận ủy thác từ Ngân hàng Nhà nước để cho vay lại tới các doanh nghiệp mở rộng đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản vay này có thời hạn từ 22 tháng đến 120 tháng, với lãi suất 4,68%/năm (năm 2014: từ 5,64% đến 6,6%/năm).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	82.215	21.073
Các khoản phải trả công nhân viên	76.781	2.081
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.434	18.992
Các khoản phải trả bên ngoài	194.674	139.701
Các khoản chờ thanh toán	31.179	32.272
Các khoản phải trả khách hàng	154.565	77.291
Thuế khác	3.659	781
Thuế giá trị gia tăng	3.138	2.461
Doanh thu chờ phân bổ	1.173	25.879
Cổ tức phải trả	960	1.017
	276.889	160.774

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ

22.1 Vốn của TCTD

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB	Thặng dư vốn	Các quỹ	Lợi nhuận chưa phân	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.798.000	994	449.165	301.879	194.438	5.744.476
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	116.973	116.973
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	-	-	3.431	(19.195)	(15.764)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	16.022	(16.022)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(118.230)	(118.230)
Giảm khác	-	-	-	(12.079)	-	(12.079)
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.798.000	994	449.165	309.253	157.964	5.715.376
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	91.279	91.279
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	-	-	3.535	(9.058)	(5.523)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	13.289	(13.289)	-
Các khoản chi trực tiếp từ quỹ và các khoản chi trả khác	-	-	-	(376)	-	(376)
Giảm khác	-	-	-	-	(10.495)	(10.495)
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.798.000	994	449.165	325.701	216.401	5.790.261



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết thành phần cổ đông của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015			31/12/2014		
	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	41.586.990	415.869	8.67	76.856.018	768.560	16,02
Malayan Banking Berhad	95.961.422	959.614	20,00	95.961.422	959.614	20,00
Geleximco	62.333.062	623.331	12,99	62.333.062	623.331	12,99
Công ty tài chính quốc tế ("IFC")	48.000.000	480.000	10,00	48.000.000	480.000	10,00
Các cổ đông khác	231.918.502	2.319.186	48,34	196.649.474	1.966.495	40,99
	479.799.976	4.798.000	100,00	479.799.976	4.798.000	100,00

22.2 Quỹ của TCTD

Tình hình thay đổi các quỹ trong năm như sau:

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư tại ngày 01/01 2014	1.817	197.868	71.908	10.910	1.169	18.207	301.879
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	1.758	1.672	-	-	-	3.430
Phân loại lại	-	-	50	-	-	(50)	-
Trích các quỹ trong năm	-	10.681	5.342	-	-	-	16.023
Giảm khác	-	-	-	(10.910)	(1.169)	-	(12.079)
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.817	210.307	78.972	-	-	18.157	309.253
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	1.920	1.313	-	-	302	3.535
Sử dụng trong năm	-	(376)	-	-	-	-	(376)
Trích các quỹ trong năm	-	8.859	4.430	-	-	-	13.289
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.817	220.710	84.715	-	-	18.459	325.701

Các quỹ của Ngân hàng được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành như sau:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích bằng 5% thu nhập sau thuế hàng năm nhưng không vượt quá 100% vốn điều lệ của Ngân hàng.
- b. Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 10% thu nhập sau thuế hàng năm nhưng không vượt quá 25% vốn điều lệ.
- c. Quỹ phát triển kinh doanh và các quỹ khác được trích lập dựa trên phê duyệt của các cổ đông theo đề nghị của Hội đồng Quản trị Ngân hàng.
- d. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân loại sang các khoản phải trả khác theo hướng dẫn của TT 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu đồng)	91.279	116.973
Lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi (triệu đồng)	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	4.747	6.897
Lợi nhuận sẵn sàng để phân phối cho các cổ đông phổ thông sau ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi (triệu đồng)	86.532	110.076
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	479.799.976	479.799.976
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm do ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng (cổ phiếu)	479.799.976	479.799.976
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm sau ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi (cổ phiếu)	479.799.976	479.799.976
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	190	244
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được điều chỉnh do ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng (đồng/cổ phiếu)	Năm 2015 không có cổ phiếu thưởng	Năm 2014 không có cổ phiếu thưởng

(*) Số tiền trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 đã được thực trích từ lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được ước tính tạm trích theo tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi được phê duyệt trong năm 2014 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	157.426	180.751
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	2.886.144	2.875.785
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	926.310	953.961
Thu lãi từ nghiệp vụ bảo lãnh	101.332	86.645
Thu khác từ hoạt động tín dụng	17.885	22.503
	4.089.097	4.119.645

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	1.925.121	2.100.057
Trả lãi tiền vay	516.684	448.995
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-	83.358
Chi phí hoạt động tín dụng khác	36	762
	2.441.841	2.633.172

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	154.956	120.880
Thu từ dịch vụ thanh toán	77.890	63.927
Thu từ dịch vụ tư vấn	10.006	4.427
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	5.691	7.674
Thu về dịch vụ ngân quỹ	4.396	3.869
Thu khác	56.973	40.983
Chi phí hoạt động dịch vụ	(97.399)	(79.010)
Chi về dịch vụ tư vấn	(6.210)	(8.990)
Chi phí bảo vệ tiền	(6.368)	(13.738)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(17.414)	(17.348)
Chi dịch vụ thanh toán	(6.381)	(5.911)
Chi phí hoa hồng môi giới	(1.588)	(66)
Chi vận chuyển, bốc xếp tiền	(2.491)	(1.755)
Chi phí kiểm đếm, phân loại và đóng gói tiền	(120)	(298)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(674)	(2.038)
Chi khác	(56.153)	(28.866)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	57.557	41.870

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	386.350	81.403
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	349.650	66.920
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	36.700	14.483
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(322.671)	(24.716)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(276.393)	(13.243)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(46.278)	(11.473)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	63.679	56.687

28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	126.929	100.077
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(4.147)	(33.113)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	8.915	29.856
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	(48.841)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	131.697	47.979

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

29. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Cổ tức nhận được từ		
Chứng khoán đầu tư	2.053	2.632
Đầu tư dài hạn khác	4.954	6.912
Phân chia lợi nhuận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết	718	792
	7.725	10.336

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Chi phí cho nhân viên	538.052	452.422
Chi lương và phụ cấp	474.305	395.185
Chi ăn ca	21.563	21.805
Chi trợ cấp	42.184	35.432
Chi về tài sản	262.372	263.774
Trong đó khấu hao tài sản cố định	75.094	72.648
Các khoản chi phí hoạt động khác	389.649	390.264
Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	46.288	66.224
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	1.029	2.721
Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	159.565	122.716
Chi vật liệu, giấy tờ in	27.604	39.763
Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	24.432	22.160
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	27.084	24.407
Công tác phí	11.707	11.047
Chi bưu phí và điện thoại	7.986	10.896
Chi đào tạo, huấn luyện	11.336	11.758
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	304	391
Các khoản chi khác	72.314	78.181
	1.190.073	1.106.460

002-C
ANH
TY
HỮU HẠI
TTE
NAM
HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Lợi nhuận trước thuế	118.363	151.107
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(7.007)	(9.544)
Phân chia lãi của các công ty liên kết sử dụng phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu	(718)	(792)
Cộng:		
Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.437	6.568
Thù lao của Hội đồng Quản trị	5.317	5.463
Chi lương Hội đồng Thành viên của công ty con	366	330
Phạt thuế	1.249	-
Điều chỉnh hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết (cho mục đích hợp nhất)	99	1.642
Doanh thu chưa thực hiện nhưng đã xuất hóa đơn trong năm 2014	-	382
Thu nhập chịu thuế	123.106	155.156
Thuế suất (*)	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.084	34.134

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 22%.

Ngân hàng không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất.

32. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các khoản sau đây:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	573.980	441.459
Tiền gửi tại NHNN	1.737.113	716.590
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	823.551	2.028.317
Tín phiếu kho bạc	-	900.062
Cho vay các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng	5.203.780	12.009.121
Tổng cộng	8.338.424	16.095.549

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Ngân hàng hiện chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hoạt động ngân hàng và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không trình bày báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

34. TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Loại hình và giá trị tài sản đảm bảo nắm giữ của khách hàng

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Bất động sản	38.419.934	29.472.290
Động sản	4.940.392	2.912.205
Chứng từ có giá	2.448.139	1.772.258
Tài sản khác	27.802.189	21.029.276
	<u>73.610.654</u>	<u>55.186.029</u>

Các tài sản bảo đảm nắm giữ và được phép bán hoặc đem đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng không nắm giữ tài sản bảo đảm nào mà Ngân hàng được phép bán hoặc đem đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro lãi suất

Ngân hàng chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thả nổi đã được ký kết. Ngân hàng chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Ngân hàng vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Ngân hàng quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: Triệu đồng				
Tài sản	Quá hạn	Không chịu lãi suất	Trong vòng 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	573.980	-	-	-	-
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.737.113	-	-	-
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	5.518.331	1.357.000	3.937.000	780.000
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	23.587	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	-	1.340.607	29.574.701	-	-	-
Chứng khoán đầu tư (*)	-	11.661.971	-	200.000	39.570	190.000
Đầu tư dài hạn (*)	-	312.982	-	-	-	-
Tài sản cố định	-	980.341	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	128.689	-	-	-	-
Tài sản có khác (*)	-	3.439.288	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	18.461.445	36.830.145	1.557.000	3.976.570	970.000
					3.422.119	225.021
						65.442.300

(*) khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

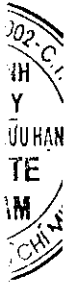
MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

a. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)									
Đơn vị tính: Triệu đồng									
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quá hạn	Không chịu lãi suất	Trong vòng 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	799.795	-	-	-	-	799.795
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	3.601.218	2.254.837	1.575.120	1.665.001	-	-	9.096.176
Tiền gửi của khách hàng	-	-	20.890.339	5.694.613	7.159.472	12.239.770	1.493.260	52.461	47.529.915
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	280.328	-	-	-	-	-	-	280.328
Các khoản nợ khác	-	-	541.182	72.045	90.578	154.851	18.892	664	878.211
Tổng nợ phải trả	-	280.328	25.032.739	8.821.290	8.825.170	14.059.622	1.512.152	53.125	58.584.425
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất - nội bảng									
	-	18.181.117	11.797.406	(7.264.290)	(4.848.600)	(13.089.622)	1.909.967	171.896	6.857.875
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất - ngoại bảng									
	5.978	-	7.052.054	923.983	1.332.051	1.477.869	2.395.060	227.670	13.414.665
Tổng mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất	5.978	18.181.117	18.849.460	(6.340.307)	(3.516.549)	(11.611.753)	4.305.027	399.566	20.272.540

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đầu vào.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

b. Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Ngân hàng sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ngân hàng không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đô la Mỹ	Đồng Euro	Ngoại tệ khác
Tài sản			Tổng cộng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	69.074	648	866
Tiền gửi tại NHNN	119.256	-	-
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (*)	364.543	372.138	8.166
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	359.890	542	-
Cho vay khách hàng (*)	1.720.838	-	-
Tài sản có khác (*)	2.441	-	-
Tổng tài sản	2.636.042	373.328	9.032
Nợ phải trả			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	156.021	-	45
Tiền gửi của khách hàng	1.660.120	362.154	5.428
Các khoản nợ khác	30.353	8.219	244
Tổng nợ phải trả	1.846.494	370.373	5.717
Trạng thái tiền tệ nội bảng - ròng	789.548	2.955	3.315
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng - ròng	5.174.299	113.496	58.374
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	5.963.847	116.451	61.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÃ SỐ B 05/TCTD-HN

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quá hạn		Trong hạn			Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Trên 3 tháng	Trong vòng 3 tháng	Trong vòng 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	799.795	-	-	799.795
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	3.601.218	2.254.837	3.240.121	-	9.096.176
Tiền gửi của khách hàng	-	-	20.890.339	5.694.613	19.399.242	52.461	47.529.915
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	151	2.651	81.310	280.328
Các khoản nợ khác	-	-	541.182	72.045	245.428	664	878.211
Tổng nợ phải trả	-	-	25.032.739	8.821.441	22.887.442	134.435	58.584.425
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	912.110	317.291	(4.987.725)	(6.111.827)	(5.281.963)	9.748.455	6.857.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Ngân hàng quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Ngân hàng gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản huy động từ tiền gửi ở thị trường 1 và thị trường 2) như đã trình bày từ Thuyết minh số 16 đến Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Ngân hàng (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ của TCTD, chênh lệch tỷ giá hối đoái và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục tài sản và nợ của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Ngân hàng áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tài sản tài chính				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	573.980	441.459	573.980	441.459
Tiền gửi tại NHNN	1.737.113	716.590	1.737.113	716.590
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	11.592.331	19.548.439	11.592.331	19.548.439
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	23.587	4.768	(*)	(*)
Cho vay khách hàng	30.530.486	25.495.490	(*)	(*)
Chứng khoán đầu tư	15.189.676	15.004.910	(*)	(*)
Tài sản tài chính khác	3.307.573	4.731.559	(*)	(*)
	62.954.746	65.943.215	13.903.424	20.706.488

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Công nợ tài chính				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	799.795	-	(*)	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9.096.176	15.808.737	(*)	(*)
Tiền gửi của khách hàng	47.529.915	45.102.698	(*)	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	280.328	120.782	(*)	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	878.211	717.257	(*)	(*)
	58.584.425	61.749.474	-	-

(*) Ngân hàng chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Các công cụ mà Ngân hàng sử dụng để quản lý rủi ro tín dụng:

Đối với hoạt động tín dụng: Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với từng khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực, địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Đối với hoạt động đầu tư/cho vay trên thị trường liên ngân hàng: Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư liên ngân hàng đối với từng đối tác cụ thể trên cơ sở phân tích, đánh giá của Ngân hàng về mức độ rủi ro của đối tác. Hạn mức đầu tư liên ngân hàng do Ban Điều hành xác lập và giao Phòng Kinh doanh vốn thực hiện.

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	116.537	53.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ngân hàng có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2015	2014
	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong vòng một năm	101.283	73.548
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	190.170	127.875
Sau năm năm	-	5.862
	<u>291.453</u>	<u>207.285</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê trụ sở, thuê mặt bằng tại các chi nhánh, phòng giao dịch, thuê địa điểm đặt máy ATM.

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tín cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

011
CH
CI
SCH
DE
VI
/

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Cam kết giao dịch hối đoái	6.797.640	1.872.256
Cam kết mua ngoại tệ	2.071.878	10.234
Cam kết bán ngoại tệ	2.055.995	10.084
Cam kết giao dịch hoán đổi	2.669.767	1.851.938
Cam kết cho vay không hủy ngang	126.086	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	833.878	666.461
Bảo lãnh khác	5.657.061	4.377.640
Cam kết bảo lãnh thanh toán	482.468	517.066
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.711.662	1.458.020
Cam kết bảo lãnh dự thầu	369.179	461.721
Bảo lãnh tài chính khác	3.093.752	1.940.833
	13.414.665	6.916.357
Trừ: Tiền ký quỹ	(326.901)	(264.390)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	13.087.764	6.651.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

39. SÓ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Khoản mục	2015 Triệu đồng	2014 Triệu đồng
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Cổ đông	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	41.283.984	30.080.183
		Rút tiền gửi không kỳ hạn	(42.160.401)	(29.431.484)
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn	1.822.313	4.493.478
		Rút tiền gửi có kỳ hạn	(1.872.313)	(3.383.478)
Geleximco	Cổ đông			
		Nhận tiền gửi không kỳ hạn Đồng Việt Nam	8.467.154	7.637.964
		Rút tiền gửi không kỳ hạn Đồng Việt Nam	(8.460.924)	(7.640.667)
		Nhận tiền gửi không kỳ hạn Đô la Mỹ	1,39	45.094
		Rút tiền gửi không kỳ hạn Đô la Mỹ	(1,38)	(64.184)
		Nhận tiền gửi không kỳ hạn EURO	21	475.754
		Rút tiền gửi không kỳ hạn EURO	(21)	(475.191)
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn Đồng Việt Nam	122.459	55.605
		Rút tiền gửi có kỳ hạn Đồng Việt Nam	(85.873)	(212.229)
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn Đô la Mỹ	0,01	109.239
		Rút tiền gửi có kỳ hạn Đô la Mỹ	(0,76)	(84.733)
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn EURO	32	1.634.246
		Rút tiền gửi có kỳ hạn EURO	(41)	(1.988.824)
		Chuyển tiền đặt cọc mua tài sản	-	500.000
		Tất toán hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh	-	95.000
Malayan Banking Berhad	Cổ đông	Nhận tiền gửi không kỳ hạn Đồng Việt Nam	642.867	-
		Rút tiền gửi không kỳ hạn Đồng Việt Nam	(643.393)	-
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn Đồng Việt Nam	30.000	-
ABS	Công ty liên kết			
		Nhận tiền gửi không kỳ hạn Đồng Việt Nam	10.813.175	18.851.994
		Rút tiền gửi không kỳ hạn Đồng Việt Nam	(10.844.773)	(18.826.763)
		Nhận tiền gửi không kỳ hạn Đô la Mỹ	0,01	329
		Rút tiền gửi không kỳ hạn Đô la Mỹ	(0,00)	(329)
		Nhận tiền gửi có kỳ hạn Đồng Việt Nam	41.148	247.998
		Rút tiền gửi có kỳ hạn Đồng Việt Nam	(80.333)	(270.076)

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết số dư các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Khoản mục	31/12/2015 <u>Triệu đồng</u>	31/12/2014 <u>Triệu đồng</u>
EVN	Cổ đông	Tiền gửi Đồng Việt Nam	<u>3.611.772</u>	<u>3.779.776</u>
		Tiền gửi Đồng Việt Nam	191.306	95.375
		Tiền gửi Đô la Mỹ	2	66.624
		Tiền gửi EURO	14	593.609
Geleximco	Cổ đông	Đặt cọc tiền thuê toà nhà Tân Hoàng Cầu	4.652	4.652
		Tiền vay Đồng Việt Nam	-	588.520
		Phải thu tiền bán cổ phiếu ABS	<u>35.855</u>	<u>70.855</u>
Malayan Banking Berhad	Cổ đông	Tiền gửi Đồng Việt Nam	<u>37.278</u>	-
ABS	Công ty liên kết	Tiền gửi Đồng Việt Nam	109.348	187.042
		Tiền gửi Đô la Mỹ	-	7
		Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại ABS	<u>14</u>	<u>27</u>
Công ty Cổ Phần EVN Quốc Tế	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi Đồng Việt Nam	<u>9.115</u>	<u>12.841</u>
		Tiền gửi Đồng Việt Nam	6.382	112
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi Đô la Mỹ	-	33.584
		Tiền gửi Euro	-	3
		Hợp tác đầu tư kinh doanh	<u>-</u>	<u>200.000</u>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi Đồng Việt Nam	<u>45.461</u>	<u>347</u>
Hội đồng Quản trị	Bên liên quan	Tiền gửi Đồng Việt Nam	35.936	5.417
		Tiền gửi Đô la Mỹ	<u>3</u>	<u>5</u>
Ban Kiểm soát	Bên liên quan	Tiền gửi Đồng Việt Nam	<u>170</u>	<u>63</u>
Ban Điều hành	Bên liên quan	Tiền gửi Đồng Việt Nam	14.246	6.158
		Tiền gửi Đô la Mỹ	<u>0,15</u>	<u>3.824</u>



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

170 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

40. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

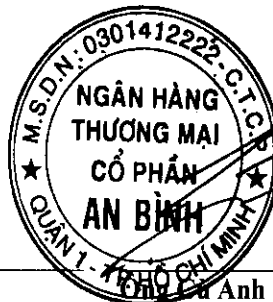
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

41. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND TẠI THỜI ĐIỂM KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	21.890	21.246
EUR	24.567	26.117
GBP	33.336	33.455
CHF	22.755	21.705
JPY	187	180
SGD	15.898	16.270
CAD	16.218	18.537
AUD	16.404	17.610

Ông Nguyễn Công Anh
Trưởng phòng Kế toán Tổng hợp

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán trưởng



Ông Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016